

**DANH SÁCH TỔNG HỢP**  
**SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN CHƯA HOÀN THÀNH (ĐH 2015 và CD 2016)**  
*(Tính đến ngày 05/09/2019)*

**Khoa: Công nghệ thực phẩm**

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
				1	2	3	4	5	6	7	
1	CD61702853	Nguyễn Văn Phúc Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2	CD61701411	Trần Anh Hào	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3	CD61704610	Lâm Thụy Khanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4	CD61701381	Huỳnh Thị Xuân Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	CD61702818	Nguyễn Ngọc Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	10
6	CD61701749	Trương Tuyết Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
7	CD61700373	Phạm Thị Hoàng Oanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
8	CD61704738	Vũ Phạm Mỹ Thuệ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
9	CD61700710	Nguyễn Ngọc Minh Thư	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
10	CD61705237	Bạch Ngọc Phương Trinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
11	DH61600638	Nguyễn Khả á	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61600185	Đoàn Huy Bình	1	-	-	-	-	1	-	-	14
13	DH61600694	Nguyễn Huỳnh Thanh Hằng	3	-	-	-	-	3	-	-	12
14	DH61600635	Vũ Thanh Hằng	1	-	-	-	-	1	-	-	14
15	DH61600799	Nguyễn Thị Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
16	DH61600603	Trần Trung Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15
17	DH61600218	Đỗ Thị Thanh Hoàng	4	-	-	-	-	4	-	-	11
18	DH61600147	Trần Cát Hoàng	2	-	-	-	-	2	-	-	13
19	DH61600054	Nguyễn Thị Trúc Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
20	DH61600421	Nguyễn Thị Thúy Kiều	6	-	-	-	-	6	-	-	9
21	DH61600121	Nguyễn Thị Mỹ Lan	0	-	-	-	-	-	-	-	15
22	DH61600607	Võ Thị á Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61600283	Nguyễn Kim Ngân	13	-	-	-	-	13	-	-	2



STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
53	DH61601438	Trần Chí	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
54	DH61601480	Trần Tân	Lĩnh	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5
55	DH61601111	Võ Quốc	Luân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
56	DH61601291	Trần Thị Thanh	Ly	7	-	-	-	-	7	-	-	8
57	DH61600979	Huỳnh Thị Phương	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
58	DH61601339	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1	-	-	1	-	-	-	-	14
59	DH61603537	Dương Thị ánh	Nguyệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15
60	DH61601485	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
61	DH61600919	Lê Quang	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15
62	DH61601261	Bùi Ngọc	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15
63	DH61601008	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	2.5	-	-	1	-	1.5	-	-	12.5
64	DH61600863	Nguyễn Thủy	Tiên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
65	DH61603626	Tô Di	Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
66	DH61601581	Trần Thục	Trình	4	-	-	-	-	4	-	-	11
67	DH61601505	Đỗ Lê Kiều	Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
68	DH61601396	Nguyễn Thị Tường	Vy	2	-	-	-	-	2	-	-	13
69	DH61601828	Huỳnh Phú	Cường	2.5	-	1	-	-	1.5	-	-	12.5
70	DH61603001	Trần Kiều	Diễm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
71	DH61603568	Phạm Thị Xuân	Dung	3	-	-	-	-	3	-	-	12
72	DH61601802	Huỳnh Anh	Đào	1	-	-	-	-	1	-	-	14
73	DH61602343	Trần Hoàng	Đức	9	-	-	-	2	7	-	-	6
74	DH61603894	Nguyễn Hữu	Lợi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
75	DH61600778	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3	-	2	-	-	1	-	-	12
76	DH61600507	Nguyễn Đặng Hồng	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
77	DH61600234	Lương Dư	Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15
78	DH61602222	Phạm Thị Hồng	Phúc	5	-	2	-	-	3	-	-	10
79	DH61600329	Nguyễn Thị Phương	Tâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
80	DH61603113	Phạm Thị Hồng	Thắm	6	-	-	-	-	6	-	-	9
81	DH61603350	Nguyễn Thị Minh	Thư	4	-	2	-	-	2	-	-	11

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
82	DH61602862	Trần Thị Mộng	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15
83	DH61601784	Nguyễn Thị Hồng	Thương	3	-	2	-	-	1	-	-	12
84	DH61602716	Nguyễn Thị	Tiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
85	DH61600560	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9.5	7.5	-	-	-	2	-	-	5.5
86	DH61602659	Trần Thị Thủy	Tuyên	2	-	2	-	-	-	-	-	13
87	DH61601878	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14
88	DH61603448	Nguyễn Huỳnh Như	ý	4	-	2	-	-	2	-	-	11
89	DH61600508	Nguyễn Võ Như	ý	0	-	-	-	-	-	-	-	15
90	DH61602531	Nguyễn Thị Kim	Anh	12.5	10	-	-	-	2.5	-	-	2.5
91	DH61602406	Phạm Thị Thùy	Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
92	DH61604132	Dương Hoàng	Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15
93	DH61602274	Bùi Minh	Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15
94	DH61601865	Phạm Ngọc Thúy	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
95	DH61603317	Nguyễn Thế	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
96	DH61602496	Phan Thị Thanh	Lan	0	-	-	-	-	-	-	-	15
97	DH61600148	Diệp Mỹ	Linh	12	10.5	-	-	1	0.5	-	-	3
98	DH61601020	Võ Ngọc	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
99	DH61600907	Trần Công	Minh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
100	DH61600890	Đặng Thị Tuyết	Nhung	3	-	-	-	-	3	-	-	12
101	DH61602467	Đỗ Kiều	Oanh	2	-	-	-	-	2	-	-	13
102	DH61602507	Võ Thị Linh	Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
103	DH61601811	Trần Hữu	Thiện	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
104	DH61603082	Nguyễn Thanh	Thương	10	-	1	-	1	8	-	-	5
105	DH61600784	Đỗ Minh	Thy	3	-	-	-	-	3	-	-	12
106	DH61600841	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
107	DH61603899	Phạm Thị Thu	Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15
108	DH61602280	Lê Thị Thanh	Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15
109	DH61601424	Nguyễn Xuân	An	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
110	DH61601612	Trương Thị Thùy	Dung	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5



STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
140	DH61604014	Lê Thị Mỹ	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
141	DH61602831	Ngô Văn	Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
142	DH61603607	Đào Trúc	Mỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15
143	DH61601206	Trần Ghi	Nhớ	0	-	-	-	-	-	-	-	15
144	DH61603956	Nguyễn Hoài	Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15
145	DH61604000	Bùi Ngọc Như	Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
146	DH61603690	Nguyễn Thị Tố	Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
147	DH61603533	Nguyễn Thị Ngân	Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
148	DH61602070	Nguyễn Văn	Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
149	DH61602378	Nguyễn Cẩm	Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
150	DH61604169	Hà Thụy Kim	Thuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
151	DH61602860	Trần Hoàng Anh	Thư	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
152	DH61600107	Phan Thị Tường	Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
153	DH61603242	Phạm Thị Kim	Xuyến	0	-	-	-	-	-	-	-	15

Tổng số SV: 153

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Chiến dịch tình nguyện
- 2: Bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

**Người lập bảng**

Đã ký

**KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2020*

**Phụ trách phòng công tác Sinh viên**

Đã ký

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**